

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 6 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Nhâm;

Ông Châu Văn Khoẻ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22/3/2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mạ Thị B**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn N P, xã Đ V, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang;

- Bị đơn: Anh **Vương Văn H**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn N P, xã Đ V, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Mạ Thị B trình bày:

Chị và anh Vương Văn H quen biết, tự nguyện kết hôn, về ở với nhau từ năm 2008. Ngày 13/6/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ V, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chị hoà thuận, hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về tính cách, anh H ghen tuông vô cớ, đánh chị. Khi chị đi làm phải mỗ ruột thừa nhưng anh H cũng không quan tâm. Từ năm 2020 cho đến nay, hai vợ chị đã sống ly thân, chị đi làm ăn xa về thì về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn. Chị xác định không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh H.

Chị và anh H có 02 con chung là cháu Vương Thị Hồng Tr, sinh ngày 04/9/2008 và cháu Vương Thị V, sinh ngày 10/02/2011. Hiện tại chị đang đi làm xa nên đề nghị hai cháu tiếp tục ở với anh H. Trách nhiệm tiền nuôi con thì chị sẽ có trách nhiệm nuôi cháu Tr, anh H trách nhiệm nuôi cháu V. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Tr là 2.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Chị đi làm công nhận ở tỉnh Vnh Phúc. Tiền lương chị lĩnh là lĩnh hàng tháng. Thu nhập bình quân của chị là 6.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, phiên hoà giải và phiên toà anh Vương Văn H trình bày:

Về quen biết, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn và ở chung, có con chung như chị B trình bày là đúng. Tuy nhiên mâu thuẫn nguyên nhân là do chị B đi làm ăn xa, có quan hệ ngoại tình rồi không về nhà mà khi về chỉ về nhà mẹ đẻ. Anh không còn tình cảm với chị B. Chị B xin ly hôn anh nhất trí.

Về nuôi con do 02 cháu đang ở cùng anh nên anh đề nghị cả 02 cháu tiếp tục ở cùng anh với điều kiện chị B cấp dưỡng nuôi cháu Tr với mức là 2.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi theo phương thức 01 lần – tính từ nay đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Nếu không cấp dưỡng 01 lần thì chị B phải đưa cháu Tr đi ở cùng và nuôi cháu.

Anh làm nông nghiệp tại địa phương. Thu nhập bình quân là bao nhiêu anh không xác định được nhưng thường thì thu nhập không đủ ăn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Kết quả xác minh:

Ông Chu Văn Tuấn - Trưởng thôn N P, xã Đ V, huyện Na Hang cho biết: Chị Mạ Thị B và anh Vương Văn H đi đến hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ V, huyện Na Hang. Sau khi kết hôn chị B về ở cùng gia đình anh H. Quá trình chung sống anh H, chị B hoà thuận, hạnh phúc nhiều năm. Vài năm gần đây chị B đi làm ăn xa. Khoảng 01 năm gần đây khi nghỉ lễ, Tết chị B không về nhà ở cùng anh H mà về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì sao ông không rõ.

Anh H, chị B có 02 con chung đều là cháu gái. Cháu lớn sinh năm 2008, cháu bé sinh năm 2011. Hiện nay cả 02 cháu cùng ở với anh H.

Anh H, chị B có tài sản chung, vay nợ chung như thế nào ông không rõ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mạ Thị B và anh Vương Văn H.

Về con chung: Giao cho anh Vương Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vương Thị Hồng Tr, sinh ngày 04/9/2008 và cháu Vương Thị V, sinh ngày 10/02/2011. Chị Mạ Thị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Tr là 2.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Chị B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có.

Về án phí: Chị B, anh H thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí, do đó được miễn án phí theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Chị B, anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Chị Mạ Thị B giao nộp các tài liệu: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh của các con; Bản sao sổ hộ khẩu; Bản sao chứng minh thư nhân dân chị B; Bản photo căn cước của anh H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh H; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh với Trưởng thôn N P.

Chị Mạ Thị B và anh Vương Văn H thống nhất với nhau về việc ly hôn; không thống nhất về người trực tiếp nuôi con chung. Về mức cấp dưỡng nuôi cháu Tr anh H, và chị B thống nhất là 2.000.000/ tháng nếu chị B cấp dưỡng 01 lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Anh Vương Văn H cư trú tại thôn N P, xã Đ V, huyện Na Hang. Chị Mạ Thị B có đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị giao nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Tòa án thông báo phiên hòa giải để tiến hành hòa giải tranh chấp nhưng Hoà giải không thành. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[3] Hôn nhân của chị Mạ Thị B và anh Vương Văn H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị B, anh H phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân do anh H trình bày là chị B đi làm ăn xa, có quan hệ ngoại tình rồi tự sống ly thân với anh. Chị B trình bày do tính tình không hợp nên chị sống ly thân với anh H. Chị B, anh H đã sống ly thân được hơn 01 năm. Tại phiên toà anh H nhất trí

ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mạ Thị B và anh Vương Văn H.

[4] Con chung: Chị Mạ Thị B và anh Vương Văn H có 02 con chung là cháu Vương Thị Hồng Tr, sinh ngày 04/9/2008 và cháu Vương Thị V, sinh ngày 10/02/2011. Chị B không có chỗ ở ổn định nên đề nghị anh H trực tiếp nuôi cả 02 con; Các cháu đều trình bày muốn ở với bố; Anh H nhất trí trực tiếp nuôi cả 02 con chung với điều kiện yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi cháu Tr với mức là 2.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng một lần. Để đảm bảo điều kiện cho con được tốt nhất - căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Giao cho anh H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả 02 con chung.

Về mức cấp dưỡng nuôi cháu Tr anh H và chị B thống nhất là 2.000.000/tháng.

Về phương thức cấp dưỡng: Xét thấy chị B đi làm công nhân, được hưởng lương hàng tháng. Theo tinh thần Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì phương thức cấp dưỡng là theo tháng. Do đó chấp nhận ý kiến của chị B là cấp dưỡng nuôi con theo phương thức là hàng tháng. Không chấp nhận yêu cầu của anh H là cấp dưỡng một lần.

Chị B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Mạ Thị B, anh Vương Văn H không có tài sản chung, vay nợ chung.

[6] Về án phí: Chị Mạ Thị B, anh Vương Văn H là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên chị B, anh H được miễn án phí.

[7] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” của chị Mạ Thị B với anh Vương Văn H.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Mạ Thị B và anh Vương Văn H.

2. Về con chung:

Giao cho anh Vương Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Vương Thị Hồng Tr, sinh ngày 04/9/2008 và cháu Vương Thị V, sinh ngày 10/02/2011. Chị Mạ Thị B phải cấp dưỡng nuôi cháu Vương Thị Hồng Tr 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi;

Khoản tiền cấp dưỡng, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Mạ Thị B, anh Vương Văn H được miễn toàn bộ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Mạ Thị B và anh Vương Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Na Hang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang
- UBND xã Đ V;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT, HSVA..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nhâm Châu Văn Khỏe

Phan Anh Thành

